

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH (GDT)

Phù hợp với Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC

Ngày 19/04/2021

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ				
1.	Điều 1: Các Định nghĩa:	<p>1.3.1. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và tích lũy đến từng thời điểm và được quy định tại Điều 5 của Điều lệ này. Không có nội dung này</p> <p>1.3.2. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là LDN số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.</p> <p>1.3.3. “Luật Chứng Khoán” bao gồm Luật Chứng Khoán số 70/2005/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 21/11/2010. Không có nội dung này</p> <p>1.3.9. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây, được quy định tại Điều 4.17 của LDN:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; d. Người quản lý doanh nghiệp; e. Vợ, chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh em rể, chị em dâu... của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối; f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người hoặc đại diện cho công ty quy định tại Điều 1.3.9 a, b, c, d và e nêu trên; g. Doanh nghiệp mà trong đó những người hoặc công ty, quy định tại Điều 1.3.9 a, b, c, d, e và f có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định ở doanh nghiệp đó; h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thầu tóm phần vốn góp, thầu tóm cổ phần, thầu tóm lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty. 	<p>a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này</p> <p>b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019</p> <p>đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty</p> <p>h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty</p> <p>i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán</p> <p>k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>l) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>m) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán</p> <p>n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua;</p> <p>o) Sơ giao dịch chứng khoán là Sơ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	Bổ sung theo Điều 1 Điều lệ mẫu

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
	Điều 1: Các Định nghĩa:	<p>1.3.5. “Năm tài chính” bắt đầu từ ngày 1/1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.</p> <p>1.3.6. “Ban điều hành” là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn.</p> <p>1.3.7. “Nhóm cổ đông 10%” là Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng.</p> <p>1.3.8. “Tổng giá trị tài sản” là Tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất.</p> <p>1.3.10 “Giao dịch với bên có liên quan” có nghĩa là giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn việc vay nợ, bán hoặc mua tài sản, bán hoặc mua cổ phần trong Công ty, bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính phát sinh khác, được thỏa thuận giữa Công ty với một trong những người sau đây: Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, TGD, BĐH, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, bất kỳ một Người có liên quan nào với những người nêu trên.</p> <p>Giao dịch được hiểu là bao gồm bất kỳ khoản tiền hoa hồng, các khoản thanh toán tương tự hoặc các lợi ích mà bất kỳ những người nêu trên nhận được từ Công ty hoặc bên thứ ba. Các khoản tiền này phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan đến bất kỳ các giao dịch nào mà Công ty tham gia.</p> <p>1.3.11 “Thành viên Hội đồng quản trị độc lập” là những người phải thỏa các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Không đang làm việc cho công ty, không từng làm việc cho công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. b. Không đang hưởng lương từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con nuôi, anh, chị em ruột là cổ đông lớn của công ty hoặc là người quản lý của công ty; d. Không là người trực tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; <p>Thành viên HĐQT độc lập phải thông báo về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 1.3.11 này và đương nhiên không còn là thành viên HĐQT độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên HĐQT độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung, thay thế thành viên này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên này.</p>	Bỏ các định nghĩa này	
II. GIỚI THIỆU CÔNG TY				
2.	Điều 2: Tên, logo, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	<p>2.5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại nhiều nơi để thực hiện các mục tiêu hoạt động của mình, phù hợp với nghị quyết của HĐQT, theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2.6. Trừ khi Công ty chấm dứt hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
3.	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2.4. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là TGD Công ty. Khi cần thiết HĐQT được quyền quyết định bổ sung hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 13, 14 Luật Doanh nghiệp.	Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp.	
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP				
4.	Điều 8: Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán	8.1. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán bằng văn bản và bằng tập dữ liệu điện tử, đồng thời phải đăng ký với TTLKCK theo quy định của Luật Chứng khoán. 8.2. Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán phải có các nội dung chủ yếu theo mẫu của TTLKCK, nội dung của Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán phải được HĐQT duyệt. Các thông tin trong đó phải được cập nhật ngay sau mỗi đợt chốt danh sách cổ đông.	Bỏ điều này	
5.	Điều 10: Chuyển giao Cổ phần	Người có quyền thừa hưởng đối với cổ phần do một cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành cổ đông của Công ty với điều kiện người đó phải cung cấp được các bằng chứng đáp ứng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, tuy nhiên người đó chỉ có quyền tham dự và biểu quyết trong các ĐHĐCĐ sau khi đã chính thức đăng ký trở thành cổ đông và được cấp Sổ chứng nhận cổ phần nếu chưa lưu ký cổ phần.	Bỏ điều này	
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG				
6.	Điều 13: Quyền của cổ đông	13.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông được hưởng các quyền lợi đồng thời chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty, trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 13.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: 13.1.1. Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, có quyền biểu quyết bằng cách biểu quyết trực tiếp tại ĐHĐCĐ hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. 13.1.2. Nhận cổ tức với tỉ lệ do ĐHĐCĐ quyết định theo từng thời điểm. 13.1.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; 13.1.4. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán (nếu có) tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; 13.1.5. Kiểm tra danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác (nếu có); 13.1.6. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; 13.1.7. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỉ lệ cổ phần mà mình sở hữu, sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ; 13.1.8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình như quy định tại Điều 129 của LDN; 13.1.9. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật.	Bỏ khoản này 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a). Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty; h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
	Điều 13: Quyền của cổ đông (tt)	<p>13.1. “Nhóm Cổ đông 10%” có thêm các quyền sau:</p> <p>13.1.1. Đề cử các thành viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại các Điều 25.4 và Điều 35.4 của Điều lệ này.</p> <p>13.1.2. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ bất thường khi quyền của cổ đông bị vi phạm nghiêm trọng, căn cứ theo các qui định tại Điều 114, 136 của LDN.</p> <p>13.1.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ.</p> <p>13.1.4. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu này phải lập thành văn bản, phải có đầy đủ thông tin được cập nhật mới nhất của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.</p> <p>13.1.5. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	Bổ sung khoản này theo điều lệ mẫu
7.	Điều 14: Nghĩa vụ của cổ đông	<p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <p>14.1. Phải hiểu rõ và tuân thủ Điều lệ cùng các quy chế của Công ty; phải chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;</p> <p>14.2. Phải tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ, phải thực hiện quyền biểu quyết bằng cách biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp (có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT hoặc bất cứ ai) hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.</p> <p>14.3. Phải thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>14.4. Phải cung cấp thông tin cá nhân cần thiết, đặc biệt là số điện thoại, email và địa chỉ để liên lạc. Phải thường xuyên cập nhật các thông tin đó khi có thay đổi.</p>	<p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
	Điều 14: Nghĩa vụ của cổ đông (tt)	14.5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và theo quy định khi đăng ký mua cổ phần của các đợt phát hành.	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c) hành toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	
8.	Điều 15: Đại hội đồng cổ đông	15.1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. 15.2. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc gia hạn nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được sự đồng ý của Cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. 15.3. HĐQT có trách nhiệm triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định những vấn đề liên quan đến Công ty theo quy định của Điều lệ này. Các kiểm toán viên độc lập sẽ được mời tham dự ĐH để tư vấn cho việc thông qua các BC tài chính hàng năm 15.4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau: 15.4.1. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; 15.4.2. Khi Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (½) so với số đầu kỳ; 15.4.3. Khi số thành viên của HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và theo quy định của Điều lệ công ty. 15.4.4. Khi “Nhóm Cổ đông 10%” có văn bản yêu cầu triệu tập, trong văn bản phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan. 15.4.5. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT, TGD hoặc BDH vi phạm hoặc có ý định vi phạm nghiêm trọng các quyền và nghĩa vụ của họ theo Điều 160 LDN (trách nhiệm của người quản lý công ty).	1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
	Điều 15: Đại hội đồng cổ đông (tt)	<p>15.5. Cách thức triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <p>15.5.1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày có nhu cầu (theo điều 15.4) nêu trên.</p> <p>15.5.2. Trong trường hợp vì bất cứ lý do gì HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15.5.1 này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, BKS phải triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 136.5 LDN (Thâm quyền triệu tập ĐHĐCĐ).</p> <p>15.5.3. Trong trường hợp vì bất cứ lý do gì BKS cũng không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 15.5.2 này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, “<i>Nhóm Cổ đông 10%</i>” có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Điều 136.6 LDN. Trong trường hợp này, “<i>Nhóm Cổ đông 10%</i>” triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp.</p> <p>15.5.4. Các chi phí triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường tại Điều 15.5.1, 15.5.2 và 15.5.3 nêu trên sẽ được công ty thanh toán lại (nếu hợp lệ). Công ty sẽ không thanh toán các khoản ăn ở, đi lại khi tham dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>15.5.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường phải:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường; - Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; - Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; - Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp. 	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
9.	Điều 16: Quyền hạn và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	<p>Tất cả nội dung trong chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, bao gồm:</p> <p>16.1. Những nội dung ĐHĐCĐ phải duyệt hàng năm:</p> <p>16.1.1. Thông qua BC tài chính hàng năm đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty;</p> <p>16.1.2. Thông qua mức cổ tức phải trả hàng năm cho mỗi loại cổ phần dựa trên đề xuất của HĐQT, phù hợp với LDN và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.</p> <p>16.1.3. Thông qua Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS và Báo cáo của BDH;</p> <p>16.1.4. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>16.1.5. Thông qua BC tiền thù lao của HĐQT và BKS năm trước, đồng thời duyệt mức tiền thù lao của HĐQT và BKS cho năm tiếp theo.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
10.	Điều 16: Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ (tt)	<p>16.2. Những nội dung ĐHĐCĐ duyệt khi nào có phát sinh:</p> <p>16.2.1. Thay đổi số lượng thành viên của HĐQT và BKS;</p> <p>16.2.2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;</p> <p>16.2.3. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>16.2.4. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>16.2.5. Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh</p> <p>16.2.6. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.</p> <p>16.2.7. Tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>16.2.8. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần của Công ty đã phát hành;</p> <p>16.2.9 Thông qua số lượng cổ phần, giá phát hành, tổng số tiền phát hành đối với các chương trình phát hành cổ phần mới.</p> <p>16.2.10. Công ty mua cổ phần hoặc các chứng khoán khác, trái phiếu từ các công ty khác hoặc Công ty đầu tư vào sở hữu bất động sản;</p> <p>16.2.11. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>16.2.12. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>16.2.13. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
11.	Điều 16: Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	<p>16.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>16.3.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 16.2.9 đến 16.2.12 nêu trên khi Cổ đông đó hoặc “<i>Người có liên quan</i>” tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</p> <p>16.3.2. Việc mua lại cổ phần của chính cổ đông đó hoặc của “<i>Người có liên quan</i>” của cổ đông đó.</p>	Bỏ khoản này	
12.	Điều 17: Triệu tập họp, Chương trình họp và Thông báo mời họp ĐHĐCĐ	17.1. ĐHĐCĐ được triệu tập bởi HĐQT, hoặc được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 15.5.2 (...BKS thay thế HĐQT triệu tập) hoặc Điều 15.5.3 (... “ <i>Nhóm cổ đông 10%</i> ” triệu tập).	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
13.	Điều 17: Triệu tập họp, Chương trình họp và Thông báo mời họp ĐHĐCĐ (tt)	<p>17.2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>17.2.1. Chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ;</p> <p>17.2.2. Chuẩn bị Thư mời, Chương trình và các tài liệu họp theo quy định, phù hợp với luật pháp và các quy định của Điều lệ này;</p> <p>17.2.3. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>17.2.4. Chuẩn bị Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ và phải đưa vào chương trình họp.</p> <p>17.3. Thư mời, chương trình, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐH phải được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp, đồng thời phải công bố cho Sở giao dịch chứng khoán, và phải đăng trên website của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thư mời họp ĐHĐCĐ, trong Thư mời phải nêu rõ địa chỉ website của công ty để các cổ đông có thể vào xem. Thư mời họp phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ, được tính theo dấu bưu điện.</p> <p>17.4. “Nhóm cổ đông 10%” (Điều 13.3) có quyền đề xuất thêm các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản, ghi rõ họ tên, số lượng cổ phần nắm giữ và phải được gửi cho Công ty ít nhất 7 ngày trước ngày khai mạc ĐH.</p> <p>17.5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Điều Error! Reference source not found. nêu trên nếu:</p> <p>17.5.1. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>17.5.2. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>17.5.3. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
14.	Điều 17: Triệu tập họp, Chương trình họp và Thông báo mời họp ĐHĐCĐ (tt)	17.6. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐH là hợp pháp và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	
15.	Điều 18: Các đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCĐ	<p>18.1. Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho đại diện của mình. Trường hợp ủy quyền cho nhiều người đại diện thì phải xác định cụ thể số cổ phần nào ủy quyền cho người nào. Giấy ủy quyền phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>18.1.1. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký người được ủy quyền dự họp;</p> <p>18.1.2. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;</p> <p>18.1.3. Trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông đó và chữ ký của người được ủy quyền dự họp;</p> <p>Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp bản chính giấy ủy quyền hợp lệ trước khi vào phòng họp.</p> <p>18.2. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc cử người được ủy quyền dự họp sẽ bị vô hiệu.</p> <p>18.3. Trừ trường hợp quy định tại điều 18.2 nêu trên, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau đây:</p> <p>18.3.1. Người ủy quyền đã chết, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;</p> <p>18.3.2. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>Tuy nhiên, điều khoản này không được áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về sự kiện trên chậm nhất là hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc ĐH.</p>	<p>Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>Bổ điều này</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
16.	Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	<p>19.1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>19.2. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền thay đổi trình tự hoặc nội dung của Chương trình họp đã được gửi kèm theo Thư mời họp, nếu xét thấy cần thiết và hợp lý.</p> <p>19.3. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết, trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc ĐH, người triệu tập có quyền hủy cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày tổ chức ĐH lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>Bổ điều này</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	
17.	Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ (tt)	19.4. Trường hợp ĐH triệu tập lần thứ hai vẫn không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 19.3 nêu trên, thì ĐH phải được triệu tập lần thứ ba trong vòng 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, ĐHĐCĐ được tiến hành không giới hạn tỉ lệ số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
18.	Điều 20: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	<p>20.1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, các cổ đông tham dự phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định trước khi vào phòng họp để tiến hành ĐH.</p> <p>20.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền một Phiếu biểu quyết (trên đó có mã số cổ đông, số cổ phần đại diện ủy quyền) và Tờ nội dung biểu quyết đính kèm. Chủ tọa sẽ quyết định hình thức biểu quyết phù hợp</p> <p>Các Tờ nội dung biểu quyết do cổ đông nộp cho Ban kiểm phiếu là bằng chứng để công bố tỷ lệ và được lưu giữ tại Công ty. Trong trường hợp cổ đông không nộp lại phiếu biểu quyết thì xem như không có ý kiến.</p> <p>ĐH sẽ bầu ra những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.</p> <p>20.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền có mặt sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>20.4. Thành viên HĐQT cho dù không phải là cổ đông của công ty vẫn có quyền tham dự và phát biểu tại bất kỳ cuộc họp ĐHĐCĐ nào.</p> <p>20.5. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời không thể chủ trì cuộc họp thì Phó chủ tịch sẽ chủ trì hoặc các thành viên HĐQT còn lại bầu một người làm chủ tọa để điều hành cuộc họp.</p> <p>Trường hợp vẫn không có người làm chủ tọa thì Trưởng BKS sẽ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa. Người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa. Người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>Bỏ khoản này</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Từ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
19.	Điều 20: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ (tt)	<p>20.6. ĐH có thể hoãn lại nếu được sự đồng ý của Chủ tọa và đa số các đại biểu dự họp khi :</p> <p>20.6.1. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi hoặc điều kiện làm việc thuận tiện ở địa điểm tổ chức ĐH;</p> <p>20.6.2. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự đến mức không thể tiến hành ĐH.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày khai mạc ĐH lần đầu.</p> <p>20.7. Trong những trường hợp đặc biệt liên quan đến vấn đề an ninh, Ban tổ chức ĐH dưới sự điều hành của HĐQT có thể áp dụng biện pháp kiểm tra các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền. Trường hợp cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất người đó ra khỏi ĐH.</p>	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Bỏ khoản này</p>	Bổ sung khoản này theo điều lệ

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
		<p>20.8. Hàng năm, Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần, vì vậy ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. Bỏ khoản này</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	mẫu
20.	Điều 21: Thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ	<p>21.1. Trừ các vấn đề được quy định tại Điều 21.2 bên dưới, các vấn đề sau đây chỉ được ĐHĐCĐ thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>21.1.1. Thông qua BC tài chính hàng năm đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty;</p> <p>21.1.2. Thông qua mức cổ tức phải trả hàng năm cho mỗi loại cổ phần dựa trên đề xuất của HĐQT, phù hợp với LDN và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.</p> <p>21.1.3. Thông qua Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS và Báo cáo của BDH;</p> <p>21.1.4. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>21.1.5. Thông qua BC tiền thù lao của HĐQT và BKS năm trước, đồng thời duyệt mức tiền thù lao của HĐQT và BKS cho năm tiếp theo.</p> <p>21.1.6. Thay đổi số lượng thành viên của HĐQT và BKS;</p> <p>21.1.7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và BKS;</p> <p>21.1.8. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>21.1.9. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>21.1.10. Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch HĐQT (nếu có đề xuất);</p> <p>21.1.11. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần của Công ty đã phát hành;</p> <p>21.1.12. Công ty mua cổ phần hoặc các chứng khoán khác, trái phiếu từ các công ty khác hoặc Công ty đầu tư vào sở hữu bất động sản;</p> <p>21.1.13. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p>	Bỏ khoản này	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
21.	Điều 21: Thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ (tt)	<p>21.2. Những nội dung dưới đây chỉ được ĐHĐCĐ thông qua khi có từ 75% tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>21.2.1. Thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh</p> <p>21.2.2. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.</p> <p>21.2.3. Tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Cty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>21.2.4. Thông qua số lượng cổ phần, giá phát hành, tổng số tiền phát hành đối với các chương trình phát hành cổ phần mới.</p> <p>21.2.5. Thông qua việc Công ty ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến hoạt động SXKD có giá trị vượt quá 50% "Tổng giá trị tài sản".</p> <p>21.2.6. Thông qua việc Công ty ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận không liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty có giá trị vượt quá 35% "Tổng giá trị tài sản".</p> <p>21.2.7. Thông qua các hợp đồng, các thỏa thuận liên quan đến việc bán tài sản của Công ty với trị giá vượt quá 35% "Tổng giá trị tài sản".</p> <p>21.2.8. Thông qua việc ký kết mọi giao dịch với bên có liên quan như: vay nợ; bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh với giá trị vượt quá 35% "Tổng giá trị tài sản".</p> <p>21.3. Cổ đông có mặt hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ bỏ phiếu để phê chuẩn các quyết định của ĐHĐCĐ. Kết quả bỏ phiếu sẽ được xem là nghị quyết của ĐHĐCĐ.</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp [tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định]:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>Bỏ khoản này</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	Bổ sung khoản này theo điều lệ mẫu
22.	Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản được thực hiện theo các quy định sau đây:</p> <p>22.1. HĐQT có quyền lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản bất cứ lúc nào, nếu xét thấy cần thiết, vì lợi ích của công ty, kể cả các trường hợp sau:</p> <p>22.1.1. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>22.1.2. Thông qua định hướng phát triển công ty;</p> <p>22.1.3. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>22.1.4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;</p> <p>22.1.5. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>22.1.6. Thay đổi ngành, nghề, lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>22.1.7. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>22.1.8. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% "Tổng giá trị tài sản";</p> <p>22.1.9. Và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ</p> <p>22.2. HĐQT phải chuẩn bị và gửi đến từng cổ đông:</p> <p>22.2.1. Phiếu lấy ý kiến: trong đó phải nêu cụ thể Mục đích, Sự cần thiết, Phương án biểu quyết kèm theo thông tin của cổ đông; và Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>22.2.2. Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ về những vấn đề cần xin ý kiến;</p> <p>22.2.3. Các văn bản giải trình liên quan (nếu cần).</p> <p>Các tài liệu này phải đăng trên website của công ty và phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến từng cổ đông và phải gửi ít nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày hết hạn nhận Phiếu lấy ý kiến, để cổ đông có thời gian xem xét biểu quyết.</p>	<p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
23.	Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản (tt)	<p>22.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông nếu là cá nhân, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và phải đóng dấu mộc của tổ chức đó. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>22.4. Dưới sự chủ trì HĐQT, Ban kiểm phiếu sẽ tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: 22.4.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; 22.4.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; 22.4.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; 22.4.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; 22.4.5. Các quyết định đã được thông qua; 22.4.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu; 22.5. Biên bản kiểm phiếu này phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu; c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	Bổ sung khoản này theo điều lệ mẫu
24.	Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản (tt)	<p>22.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, Toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty; 22.7. Quyết định thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.</p>	<p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
25.	Điều 23: Biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ	Biên bản, nghị quyết các cuộc họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng tiếng Việt theo quy định của LDN, có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký, là bằng chứng về những việc đã tiến hành tại ĐH. Biên bản này phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Thư ký chịu trách nhiệm lưu trữ Các bản ghi chép, Biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông dự họp và các tài liệu có liên quan.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	
26.	Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ	24.1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công ty công bố trên website các biên bản, nghị quyết họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, "Nhóm cổ đông 10%" có quyền yêu cầu Tòa án TP.HCM xem xét, hủy bỏ một hoặc nhiều nội dung của các văn bản nêu trên khi: 24.1.1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không đúng theo quy định của LDN và Điều lệ công ty; 24.1.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ cty. 24.2. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án TP.HCM, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ phải tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày, theo trình tự, thủ tục quy định tại LDN và Điều 19 của Điều lệ này	Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này Bỏ khoản này	
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
27.	Điều 25: Thành phần, số lượng và nhiệm kỳ của HĐQT	25.1. Số lượng thành viên HĐQT: của công ty từ 3 đến 11 người.	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 7 người.	
28.	Điều 25: Thành phần, số lượng và nhiệm kỳ của HĐQT	25.2. Nhiệm kỳ của HĐQT: là năm (5) năm.	2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chính sửa
		<p>25.3. Thành phần: Tổng số thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty nhưng phải là người có kinh nghiệm, có kiến thức về quản lý điều hành Doanh nghiệp.</p>	<p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</p>	
29.	Điều 25: Thành phần, số lượng và nhiệm kỳ của HĐQT (tt)	<p>25.4. Đề cử ứng viên HĐQT trước khi tiến hành ĐH: 25.4.1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Cty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 25.4.2. Cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng, có quyền gộp cổ phần lại để đề cử ứng viên HĐQT. Cụ thể: - Từ 5% đến dưới 10% được đề cử tối đa một ứng viên; - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai ứng viên; - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba ứng viên; - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn ứng viên; - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm ứng viên; - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu ứng viên; - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa là bảy ứng viên; - Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám ứng viên; 25.4.3. Do phải thẩm tra lý lịch, xem xét tư cách ứng viên thỏa các yêu cầu theo qui định của pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của HĐQT, công ty không chấp nhận hình thức đề cử hoặc tự ứng cử tại ĐH do việc này đã thông báo từ trước khi tổ chức ĐH.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
30.	Điều 25: Thành phần, số lượng và nhiệm kỳ của HĐQT	<p>25.5. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử trước ĐH không đủ số lượng cần, HĐQT đương nhiệm sẽ đề cử thêm cho đủ người. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>25.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
		<p>26.3.9. Quyết định thời gian và mức tạm ứng cổ tức căn cứ vào khả năng tài chính của công ty, quyết định phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty; quyết định các loại quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế</p> <p>26.3.10. Quyết định việc ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh có trị giá dưới 50% “<i>Tổng giá trị tài sản</i>”;</p> <p>26.3.11. Quyết định việc ký kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có trị giá dưới 35% “<i>Tổng giá trị tài sản</i>”;</p> <p>26.3.12. Quyết định việc ký kết các hợp đồng, các thỏa thuận liên quan đến việc bán tài sản của công ty với trị giá dưới 35% “<i>Tổng giá trị tài sản</i>”;</p> <p>26.3.13. Quyết định việc ký kết mọi Giao dịch với bên liên quan như: vay nợ; bảo lãnh hoặc các nghĩa vụ tài chính có thể phát sinh với giá trị dưới 35% “<i>Tổng giá trị tài sản</i>”.</p>	<p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
33.	Điều 26: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT (tt)	<p>26.4. HĐQT phải có trách nhiệm xem xét và phê chuẩn những vấn đề sau đây:</p> <p>26.4.1. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>26.4.2. Thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình, giải thể Cty con của Công ty hoặc các trường hợp khác... theo quy định của Pháp luật;</p> <p>26.4.3. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Cty cử làm đại diện thương mại;</p> <p>26.4.4. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo lãnh không vượt quá 35% “<i>Tổng giá trị tài sản</i>”;</p> <p>26.4.5. Các khoản bồi thường thiệt hại có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;</p> <p>26.4.6. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính;</p> <p>26.4.7. Các khoản đầu tư vượt quá 10% “<i>Tổng giá trị tài sản</i>”;</p> <p>26.4.8. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền, liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, như vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ v.v....;</p> <p>26.4.9. Việc công ty mua hoặc thu hồi đến 10% mỗi loại cổ phần (trên 10% phải xin ý kiến ĐHCĐ);</p> <p>26.4.10. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>26.4.11. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>26.5. HĐQT phải trình Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty cho ĐHCĐ, nếu không Báo cáo tài chính đó sẽ xem là không có giá trị.</p> <p>26.6. Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do ĐHCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên căn cứ vào sự tham dự đầy đủ các buổi họp và trên sự đóng góp ý kiến cho Công ty.</p> <p>26.7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty (nếu có) phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>26.8. Thành viên HĐQT đồng thời kiêm chức vụ điều hành công ty hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao (dưới nhiều hình thức) theo quyết định của HĐQT.</p>	Bỏ các khoản này	
34.	Điều 27: Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	<p>27.1. HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT muốn kiêm nhiệm chức vụ TGD phải được sự phê chuẩn tại ĐHCĐ thường niên</p>	<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chính sửa
		<p>28.7. Các cuộc họp HĐQT bất thường nêu tại Điều 28.6 nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn 7 ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị (mà không có lý do chính đáng) thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty.</p> <p>Những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể liên hệ với Phó Chủ tịch hoặc các thành viên HĐQT khác để tiến hành cuộc họp.</p> <p>28.9. Thư mời, chương trình họp và các tài liệu họp phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 9 ngày trước khi họp để HĐQT có thời gian xem xét và đưa ra ý kiến. Thư mời có thể gửi bằng fax, email hoặc phương tiện khác đến từng thành viên HĐQT theo địa chỉ mà họ đã đăng ký tại công ty.</p> <p>28.10. Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các Nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư ($\frac{3}{4}$) số thành viên HĐQT tham dự và được ủy quyền. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp lần đầu, cuộc họp lần hai phải được triệu tập lại trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chỉ được tiến hành khi có hơn một nửa ($\frac{1}{2}$) số thành viên HĐQT tham dự và được ủy quyền.</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
36.	Điều 28: Các cuộc họp của HĐQT và hình thức họp:	<p>28.11. Biểu quyết:</p> <p>28.11.1. Trừ quy định tại Điều 28.11.2 bên dưới, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền có mặt tại cuộc họp HĐQT sẽ là một phiếu biểu quyết;</p> <p>28.11.2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc "Người liên quan" của thành viên đó có quyền lợi, hoặc quyền lợi có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Còn các vấn đề khác thì vẫn được biểu quyết như bình thường.</p> <p>28.11.3. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tham gia biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>28.11.4. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp HĐQT có liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của TV HĐQT mà có tranh chấp về quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó thì những vấn đề phát sinh này sẽ chỉ được quyết định bởi Chủ tịch và các thành viên HĐQT còn lại, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách rõ ràng.</p>	Bổ khoản này	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
		<p>28.12. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty, sẽ phải công khai quyền lợi đó trong cuộc họp xem xét việc ký kết giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết mình hoặc người có liên quan có quyền lợi vào thời điểm giao dịch được ký kết, thì thành viên HĐQT này phải công khai quyền lợi trong cuộc họp HĐQT gần nhất khi biết mình có quyền lợi trong giao dịch đó.</p> <p>28.13. Có 3 hình thức họp HĐQT: Tổ chức họp; Xin ý kiến bằng văn bản; Họp qua điện thoại...</p> <p>HĐQT có thể tổ chức họp qua điện thoại, qua internet hoặc qua các hình thức khác với điều kiện các thành viên tham gia họp cùng phát biểu, cùng nghe rõ người khác nói, TV HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được xem là có mặt tại cuộc họp đó. Hoặc bằng hình thức xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, qua email, khi có ý kiến phản hồi của các thành viên thì các nội dung này sẽ được thông qua. Các quyết định được thông qua theo những hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải bổ sung chữ ký của tất cả thành viên HĐQT trong Biên bản họp.</p> <p>28.14. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi Biên bản bằng tiếng Việt theo quy định của LDN, có đầy đủ chữ ký của thành viên HĐQT, là bằng chứng về những công việc đã tiến hành và thông qua tại cuộc họp. Thư ký chịu trách nhiệm lưu trữ Biên bản họp và các tài liệu có liên quan đến cuộc họp, đồng thời gửi Biên bản họp cho tất cả thành viên HĐQT.</p> <p>28.15. Bên cạnh Biên bản họp, phải lập Nghị quyết của cuộc họp HĐQT, nêu đầy đủ nội dung các quyết định từ Biên bản họp. NQ này chỉ cần chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p>	Bỏ khoản này	
37.	Điều 29. Các tiểu ban thuộc HĐQT	<p>29.1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.</p> <p>29.2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Cty.</p>	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC				
38.	Điều 30: Tổ chức bộ máy quản lý	Sơ đồ tổ chức quản lý của công ty sẽ do TGD đề xuất và HĐQT phê duyệt. TGD, BĐH và Kế Toán trưởng sẽ do HĐQT bổ nhiệm, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp. Những người này có thể đồng thời là thành viên HĐQT.	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
39.	Điều 31: Ban điều hành	<p>31.1. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được quy định số lượng cán bộ BĐH theo nhu cầu và phù hợp với cơ cấu của Công ty</p> <p>31.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các chế độ của Kế Toán Trưởng, BĐH sẽ do TGD quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến HĐQT, riêng trường hợp của TGD sẽ do HĐQT quyết định.</p>	<p>Điều 34. Người điều hành Công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
40.	Điều 34: Người phụ trách quản trị công ty	<p>34.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>34.2. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>34.3. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>34.3.1. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>34.3.2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>34.3.3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>34.4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>34.5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>34.5.1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>34.5.2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>34.5.3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>34.5.4. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>34.5.5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>34.5.6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>34.5.7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>34.5.8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>34.5.9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>31. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>Bổ khoản này</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
IX. BAN KIỂM SOÁT				
41.	Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	<p>35.4. Tổ chức việc đề cử ứng viên BKS khi bầu nhiệm kỳ mới hoặc bầu bổ sung, trước khi tiến hành ĐHCĐ, theo các quy chế sau:</p> <p>35.4.1. Cổ đông nắm giữ cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng, có quyền gộp số cổ phần lại để đề cử ứng viên BKS. Cụ thể</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một ứng viên; - Từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên; - Từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba ứng viên; 	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
		<p>- Từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn ứng viên; - Từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. 35.4.2. Danh sách ứng cử hoặc đề cử ứng viên BKS phải gửi đến công ty chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ để Công ty có thời gian xem xét, thẩm tra hồ sơ lý lịch của ứng viên. 35.4.3. Do phải thẩm tra lý lịch, xem xét tư cách ứng viên thỏa các yêu cầu theo quy định của Pháp luật hiện hành và theo yêu cầu của HĐQT, BKS, Công ty 35.5. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử trước ĐH không đủ số lượng cần, BKS đương nhiệm sẽ đề cử thêm cho đủ người.</p>		
42.	Điều 36: Kiểm soát viên	<p>35.2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 LDN, Điều lệ ty và không thuộc các trường hợp sau: 35.2.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của cty; 35.2.2. Là thành viên hay nhân viên của cty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của cty trong ba (03) năm liền trước đó. 35.3. Các thành viên BKS không được là người có liên quan (theo Luật quy định) với các thành viên HĐQT, TGD và BDH của Công ty. BKS phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau: 35.3.1. Triệu tập cuộc họp BKS; 35.3.2. Yêu cầu Cty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo cho HĐQT ; 35.3.3. Lập báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên ĐHCĐ. 35.6. Thành viên BKS không được đồng thời là thành viên HĐQT, TGD, BDH, hoặc bất kỳ người nào mà pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn do pháp luật quy định, phù hợp với từng thời điểm khác nhau. 35.7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: 35.7.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên BKS theo quy định của LDN hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên BKS; 35.7.2. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại LDN; 35.7.3. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 35.7.4. Có đơn từ chức và được chấp thuận; 35.7.5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. 35.8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 35.8.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 35.8.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của LDN và Điều lệ công ty; 35.8.3. Theo quyết định của ĐHCĐ; 35.8.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>Điều 36: Thành phần Ban kiểm soát 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. 3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; 37.4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: 37.4.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 37.4.2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 37.4.3. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 37.4.4. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
43.	Trưởng Ban kiểm soát	Không có	<p>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; c) Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình ĐHCĐ.</p>	Bổ sung theo Điều lệ mẫu

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
44.	Điều 36: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát	<p>36.1. BKS là cơ quan có thẩm quyền thay mặt ĐHĐCĐ giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. BKS sẽ hoạt động độc lập với HĐQT, TGD và BDH và sẽ báo cáo với ĐHĐCĐ.</p> <p>36.2. Ban kiểm soát có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>36.2.1. Kiểm tra việc HĐQT có tuân thủ pháp luật và các nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>36.2.2. Kiểm tra việc TGD và BDH có tuân thủ pháp luật và các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;</p> <p>36.2.3. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>36.2.4. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>36.2.5. Xin ý kiến có tư vấn độc lập hoặc tư vấn pháp lý nếu thấy cần thiết;</p> <p>36.2.6. Kiểm tra các Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình HĐQT và ĐHĐCĐ;</p> <p>36.2.7. Thảo luận về những khó khăn và tồn tại được phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi chỉnh sửa mà kiểm toán viên độc lập đề nghị;</p> <p>36.2.8. Xem xét Thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của TGD Công ty;</p> <p>36.2.9. Xem xét các Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập, của kiểm toán nội bộ Công ty trước khi trình HĐQT (nếu có).</p> <p>36.2.10. Giám sát đảm bảo quy trình bầu cử HĐQT được minh bạch và đúng thủ tục;</p> <p>36.2.11. Điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của HĐQT hoặc của "Nhóm cổ đông 10%";</p> <p>36.2.12. Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu liên quan đến HĐQT, TGD và BDH;</p> <p>36.2.13. Giám sát HĐQT, TGD, BDH việc sử dụng đúng đắn những tài sản của Công ty để đảm bảo không lạm dụng quyền hạn trong mọi việc;</p> <p>36.2.14. Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm toán nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;</p> <p>36.2.15. Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;</p> <p>36.2.16. Để phục vụ cho các cuộc họp của HĐQT và BKS được thành công, BKS có quyền yêu cầu các bộ phận trong Công ty giải trình và cung cấp các tài liệu có liên quan đến cuộc họp. Thư ký HĐQT cung cấp các tài liệu họp, biên bản, các thông tin khác cho BKS cùng thời điểm cung cấp cho HĐQT.</p> <p>36.2.17. Định kỳ hàng quý thông báo cho HĐQT và TGD về kết quả kiểm soát của mình đồng thời yêu cầu các bộ phận có liên quan phải giải trình.</p> <p>36.2.18. Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi, và cải tiến cần thiết trong hoạt động của HĐQT, TGD, BDH và trong hoạt động của Công ty</p>	<p>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Bổ khoản này</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. 	
45.	Điều 36: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát	<p>36.4. BKS phải ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động. BKS phải họp tối thiểu 04 lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p> <p>36.3. Thành viên của HĐQT, TGD và BDH phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>40.1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>40.2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu TV Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Bổ sung khoản này
46.	Điều 36: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát	<p>35.6 Tổng mức thù lao của các thành viên BKS do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên BKS căn cứ vào sự tham dự đầy đủ các buổi họp và trên sự đóng góp ý kiến cho Công ty.</p>	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát. 	Bổ sung khoản này

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
			<p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY				
47.	Điều 40: Quyền điều tra sổ sách và lưu trữ hồ sơ	<p>40.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Điều 25.4.2 và Điều 35.4.1 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền bằng văn bản, được kiểm tra thông tin số cổ phần của mình đang sở hữu, các biên bản họp ĐHCĐ, sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 49. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>49.2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	Bổ sung khoản này
XVI. BAO CAO TÀI CHÍNH, BAO CAO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN				
48.		Không có	<p>Điều 56. Báo cáo thường niên</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	Bổ sung điều này
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY				
49.	Điều 51: Chấm dứt hoạt động	<p>51.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>51.1.1. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>51.1.2. Giải thể theo quyết định của ĐHCĐ;</p> <p>51.1.3. Các trường hợp khác do pháp luật quy định;</p>	<p>Điều 59. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ cty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
50.			<p>Điều 60. Gia hạn hoạt động</p> <p>60.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>60.2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	Bổ sung điều này
51.	Điều 52: Thanh lý	<p>52.1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên chính, trong đó 02 thành viên do ĐHCĐ chỉ định và 01 thành viên từ một công ty kiểm toán độc lập.</p> <p>Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các Quy chế hoạt động trình HĐQT duyệt. Các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được ưu tiên trả trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	<p>1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p>	

Stt	Điều khoản liên quan	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do chỉnh sửa
	Điều 52: Thanh lý	<p>52.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày giải thể Công ty. Kể từ thời điểm báo cáo giải thể Công ty, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án Tp.HCM và các cơ quan hành chính.</p> <p>52.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>52.3.1. Các chi phí thanh lý;</p> <p>52.3.2. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>52.3.3. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;</p> <p>52.3.4. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>52.3.5. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>52.3.6. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điều 52.3.1 đến Điều 52.3.5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c) Nợ thuế;</p> <p>d) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	
XXI. NGÀY HIỆU LỰC				
52.	Điều 55: Hiệu lực của điều lệ	<p>55.2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có đóng dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>55.2.1. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương</p> <p>55.2.2. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố</p> <p>55.2.3. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty (trong đó Thư ký HĐQT giữ 1 bản, TGD 1 bản, GD HCNS 1 bản và Chủ tịch HĐQT 1 bản)</p>	<p>64.2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>Bỏ các khoản này</p>	
53.	Điều 56: Thông báo	<p>56.1. Tất cả các thông báo được phát hành theo quy định của Điều lệ này phải lập thành văn bản, có chữ ký của người chịu trách nhiệm, đóng dấu Công ty và gửi bằng thư bảo đảm đến các cổ đông theo địa chỉ do TTLKCK cung cấp vào từng thời điểm, đồng thời sẽ gửi bằng Email (nếu có đăng ký).</p> <p>56.2. Công ty đảm bảo sẽ gửi thông báo chính xác theo các địa chỉ trong Danh sách mới nhất mà TTLKCK cung cấp. Để đảm bảo quyền lợi của mình, đề nghị các cổ đông phải:</p> <p>56.2.1. Cập nhật đầy đủ thông tin mới nhất cho Công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch (nếu là cổ đông đã lưu ký).</p> <p>56.2.2. Cập nhật đầy đủ thông tin mới nhất bằng văn bản cho Công ty Gổ Đức Thành (nếu là cổ đông chưa lưu ký).</p> <p>Nếu cổ đông không cập nhật kịp thời mọi thay đổi thông tin cá nhân như đã yêu cầu, thì Công ty sẽ không chịu trách nhiệm về việc thông báo không đến đúng địa chỉ của Cổ đông và quyền lợi của Cổ đông sẽ bị ảnh hưởng khi không nhận được các thông báo này.</p> <p>56.3. Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực.</p>	Bỏ điều này	

Ghi chú: Ngoài các nội dung được liệt kê như trên, còn có các điều chỉnh khác về cập nhật thông tin công ty, cách thức bố trí, cấu trúc, câu từ và dẫn chiếu trong Điều lệ mới để đảm bảo rõ ràng, thống nhất về hình thức và nội dung của toàn bộ văn bản, không có sự thay đổi nội dung, ý nghĩa so với Điều lệ hiện hành.